

# 第5節 ホイアン研究文献目録

菊池 誠一

ここでは、ホイアンを研究するうえで重要な文献類を紹介し、多くの研究者の便に供したい。まず、ベトナム語文献で、ホイアンをテーマにしたものと17世紀を中心としたハノイやフォーヒエン貿易港、対外関係史関係の研究書を紹介し、つぎにホイアンの考古学研究に必要な論文と報告類を紹介する。そして、ベトナムやホイアンの考古学に関する日本語文献を紹介するが、遺跡発掘報告や陶磁器だけに限定し、日本町や対外関係史などの研究書や論文は除外する。なお、ベトナム語文献は、その声調記号を省略した。

## 1 ベトナム語文献

〈略記号〉 Khao Co Hoc : KCH (考古学)

Nhung phat hien moi ve Khao co hoc nam …: NPHMVKCH (…年の考古学新発見)

### 研究書

Dao Duy Anh

1957 Van de hinh thanh cua dan toc Viet-nam. (ベトナム民族の形成問題) Xay dung xuất bản.

Thanh The Vy

1961 Ngoai thuong Viet-Nam hoi the ky XVII, XVIII va dau XIX. (ベトナムの対外貿易 17～19世紀初め).  
Nha Xuat Ban Su Hoc.

Phan Khoang

1967 Viet Su: Xu Dang Tring 1558-1777. (ダンジョンのベトナム史 1558-1777年) Nha sach Khai Tri.

Phan Du

1974 Quang-Nam qua cac thoi- dai. (各時代のクアンナム).

Nguyen Viet·Vu Minh Giang·Nguyen Manh Hung

1983 Quan thuy trong lich su chong ngoai xam. (外国侵略抵抗史のなかの水軍). Nha xuất bản Quan Doi Nhan Dan.

Uy ban nhan dan tinh Quang Nam-Da Nang

1985 Hoi nghi khoa hoc ve khu pho co Hoi An. (ホイアン旧市街地に関する科学会議).

Vien Su Hoc

1989 Do thi co Viet Nam. (ベトナムの古都市).

Uy ban quac gia hoi thao quoc te ve do thi co Hoi An

1991 Do thi co Hoi An. (ホイアン古都市). Nha Xuat Ban Khoa Hoc Xa Hoi.

Vu Cong Quy

1991 Van hoa Sa Huynh. (サーフィン文化). Nha xuất bản Van hoa Dan Toc.

Nguyen Thua Hy

1993 Thang Long-Ha Noi the ky XVII-XVIII-XIX. (昇龍-ハノイ 17～19世紀). Hoi Su Hoc Viet Nam.

Uy ban nhan dan tinh Hai Hung.

1994 Pho Hien ky yeu hoi thao khoa hoc. (フォーヒエン 科学会議紀要).

So Van Hoa Thong Tin-The Thao Hai Hung.

## 第9章 付篇

Nguyen Huu Thong

1994 Hue nghe va lang nghe thu cong truyen thong. (フエ、伝統的手工業村と工芸). Nha xuất bản Thuận Hoa.

Nguyen Quoc Hung

1995 Pho co Hoi An. (ホイアン旧市街)

Thi xa Hoi An

1995 Hoi thao ve Van hoa Sa Huynh o Hoi An. (ホイアンにおけるサーフィン文化に関するシンポジウム).

Do Bang

1996 Pho cang vung Thuan Quang the ky XVII - XVIII. (17-18世紀の順・広地域の港市). Nha Xuất Bản Thuận Hoa.

## 論文・報告

Chen Ching Ho

1960 May dieu nhan set ve Minh-huong-xa va cac co tich tai Hoi-an.

(ホイアンのミンフォン社と古跡に関する若干の考察 1). VIET-NAM KHAO-CO TAP-SAN,1:1-30.

Pham Dinh Khiem

1960 Di tim dia-diem va di-tich hai thanh co Quang-nam va Phu-yen dau the- ky XVII. (17世紀はじめのクアンナムとフーイエンの二古城の踏査). VIET-NAM KHAO-CO TAP-SAN,1:71-96.

Pham Dinh Khiem

1960 Xa-hoi Viet-nam the-ky XVII Duoi mat Giao-si Dac-lo. (宣教師アレキサンドロ・ド・ロードのみた17世紀のベトナム社会). VIET-NAM KHAO-CO TAP-SAN,2:37-68.

Chen Ching Ho

1963 May dieu nhan set ve Minh-huong-xa va cac co tich tai Hoi-an.

(ホイアンのミンフォン社と古跡に関する若干の考察 2). VIET-NAM KHAO-CO TAP-SAN,3:7-40.

Le Uy

1981 Vai net ve cong tac khao co hoc o Quang Nam Da Nang. (クアンナム・ダナンにおける若干の考古学活動について). Nghien cuu Lich su, dia phong va chuyen ngành Quang Nam Da Nang,1.

Nguyen Boi Lien

1983 Hai Pho tien than cua Hoi An ngay nay. (ハイフォー、今日のホイアンの前身). Nghien cuu lich su Quang Nam-Da Nam,2.

Tran Quoc Vuong

1985 Champapura Hoi An-Faifo. (チャンパプラ ホイアン-フェイフォ). Theo dong lich su:528-529.

Tran Quoc Vuong

1985 Tong thuat ket qua hoi nghi khoa hoc ve khu pho co Hoi An. (ホイアン 旧市街地に関する科学会議の総括). Theo dong lich su:530-543.

Tran Quoc Vuong

1988 Chiem cang Hoi An voi cai nhin ve bien cua nguoi Viet va nguoi Cham. (チャンパの港ホイアンとチャム人・ベトナム人の海洋観). Tap chi Dat Quang,51.

Vu Huu Minh

1989 Bao cao dien da khu vuc Thanh Chiem-Dien Ban-Quang Nam-Da Nang tu 17-7 den 19-7-1989. (クアンナム・ダナン、ディエンバン、タインチェム地区の踏査報告、1989年7月17日から19日). Tu leu Phong Van hoa-Thong tin huyen Dien Ban.

Vu Huu Minh

1990 Dong "Song Trong" o Hoi An. (ホイアンの清流). NPHMVKCH1989:180-181.

Tran Quoc Vuong

1990 Ket qua buoc dau nghien cuu Van Hoa o Mien Trung. (中部ベトナムの文化研究の最初の結果). NPHMVKCH1989:169-171.

Hoang Van Khoan,Lam My Dung,Ha Thi Loan

- 1990 Tham sat khu vuc Chua Cau o Thi xa Hoi An (Quang Nam Da Nang) . (ホイアン市の橋寺地区の試掘調査) .  
NPHMVKCH1989:172.

Hoang Van Khoan,Lam My Dung

- 1990 Khai quat them sau Chua Am Bon Thi xa Hoi An (Quang Nam Da Nang) . (ホイアン市アンボン寺後回廊の発掘調査) . NPHMVKCH1989:173-174.

Tran Ky Phuong,Nguyen Chieu

- 1990 Nhung di tich va di vat phat hien duoc o khu vuc Hoi An. (ホイアン地区で発見された遺跡と遺物) . NPHMVKCH  
1989:174-177.

Le Thi Lien

- 1990 Gioi thieu doi net ve Bia ki o Hoi An. (ホイアンの二、三の碑文の紹介) . NPHMVKCH1989:178-180.

Lam My Dung

- 1990 Ket qua khai quat Con Cham o huyen Duy Xuyen (Quang Nam-Da Nang) .  
(ズイセン県コンチャムの発掘結果). NPHMVKCH1989:181-182.

Nguyen Chieu,Ho Xuan Tinh,Nguyen Chi Trung

- 1990 Bai Mo Chum Cam Ha. (カムハーの甕棺墓) . NPHMVKCH1989:185-187.

Nguyen Chieu,Ho Xuan Tinh,Nguyen Chi Trung,Tran Van An

- 1990 Khai quat di chi Thanh Chiem. (タインチェム遺跡の発掘) . NPHMVKCH1989:187-189.

Nguyen Chieu,Tran Van An

- 1990 Cum di tich Lang Ba. (ランバー遺跡群) . NPHMVKCH1989:190-192.

Ngo Sy Hong,Tran Quy Thinh,Nguyen Duc Minh,Nguyen Van Hai

- 1990 Dao tham sat di tich Sa Huynh o Hau Xa,Hoi An (Quang Nam-Da Nang) van han thuc moi ve van hoa Sa  
Huynh. (ホイアン、ホウサーのサーフィン遺跡の試掘調査とサーフィン文化に関する新たな認識) . KCH-3:64-75.

Nguyen Chieu,Tran Van An

- 1991 Tiep tuc dieu tra khao co hoc o Hoi An (Quang Nam-Da Nang) . (ホイアンの考古学の継続調査) .  
NPHMVKCH1990:173-174.

Ngo Sy Hong,Tran Quy Thinh,Nguyen Duc Minh,Nguyen Van Hai

- 1991 Dao tham sat di tich Sa Huyen o Hau Xa, Thi xa Hoi An (Quang Nam-Da Nang) . (ホイアン市ホウサーのサーフ  
イン遺跡の試掘調査) . NPHMVKCH1990:99-101.

Trinh Cao Tuong

- 1991 Nghien cuu do thi co Hoi An chang duong 5 nam qua. (ホイアン古都市の5年間の研究) .  
NPHMVKCH1989:171-172.

Tran Quy Thinh,Ngo Si Hong

- 1991 Nghe gom Thanh Ha (Hoi An) . (タインハーの土器づくり) . NPHMVKCH1990:196-197.

Quang Van Cay,Nguyen Chieu

- 1992 Hai chiec "Vo mo Cham" o Trung Phuong Quang Nam-Da Nang. (クアンナム・ダナン、チュンフォンの“チャ  
ム墓”の2個の瓶) . NPHMVKCH1991:180-181

Nhom nghien cuu Hoi An

- 1993 Nhung ngoi mo "hop chat" o Hoi An Quang Nam-Da Nang. (クアンナム・ダナン、ホイアンの古墓) .  
NPHMVKCH1992:203-204.

KIKUCHI Seiichi (菊池誠一)

- 1994 Dao tham sat khu Pho co Hoi An. (ホイアン旧市街地の試掘調査) . NPHMVKCH1993:319-320.

Bui Minh Tri,Pham Quoc Quan

- 1994 Gom Hi-zen Nhat Ban tim thay o mot so dia diem khao co hoc Viet Nam. (ベトナムの若干の考古学遺跡から発見  
された日本の肥前陶磁) . KCH-4:34-51.

## 第9章 付篇

Phan Nhu Ho, Tran Anh Dung, Ha Nguyen Diem

1994 Khai quat lan thu nhat khu lo gom My Xuyen. (ミースェン窯地区の第1次発掘調査). NPHMVKCH1993:224-225.  
Nguyen Duc Minh, Nguyen Chi Trung, Nguyen Van Phi, Tran Van An, Ho Xuan Tinh, Tran Quoc Vuong, Lam My Dung, Nguyem Tien Dong

1995 Bao cao ket qua tham sat va khai quat dia diem Hau Xa I-Hoi An. (ホイアン、ホウサー I 地点の試掘と発掘調査報告). NPHMVKCH1994:111-115

Tran Van Anh, Tran Van An, Nguyen Duc Minh, Nguyen Chi Trung

1995 Bao cao dao tham sat tai khu vuc Lang Ba, thuoc thon 6, xa Cam Thanh, Hoi An. (ホイアン、カムタイン社第6地区に属するランバー地区の試掘調査報告). NPHMVKCH1994:334-335.

Tran Anh Dung

1995 Vai suy nghi ve lang gom sanh My Xuyen (Tri-Thien-Hue) va vung gom sanh Mien Trung. (ミースェン陶器村と中部における陶器生産地についての若干の考察). NPHMVKCH1994:313-315.

Nguyen Tien Dong, Nguyen Thanh Tung, Le Duy Son

1995 Khai quat lo gom co Phuoc Ly, Vinh Giang, Vinh Linh (Quang Tri). (クァンチ、ヴィンリン、ヴィンザン、フックリーの古窯跡の発掘調査). NPHMVKCH1994:336-337.

Nguyen Chi Trung, Tran Van An, Nguyen Tran Lam

1995 Ket qua hai dot tham sat dia diem Dong Na. (ドンナー地点の2回の試掘調査結果). NPHMVKCH1994:118-121.

Trinh Cao Tuong

1995 Bao cao so bo ve tau thuyen co bi dam chim trong vung cua bien Hoi An, Quang Nam-Da Nang. (クァンナム・ダナン、ホイアン海域の沈没船の略報) NPHMVKCH1994:327-329.

KIKUCHI Seiichi (菊池誠一)

1995 Bao cao so bo ve cac cuoc dao tham sat tai do thi co Hoi An-nam 1994. (1994年のホイアン古都市における試掘調査略報). NPHMVKCH1994:334-335.

Trung tam bao ton di tích Hoi An

1996 Khai quat khu di tích mo chum An Bang (Hoi An, Quang Nam Da Nang) (クァンナム・ダナン、ホイアンのアンバン甕棺墓遺跡地区の発掘). NPHMVKCH1995:127-129.

Lam My Dung, Nguyen Chieu, Nguyen Duc Minh, Tran Van An, Nguyen Chi Trung

1996 Ket qua khai quat dia diem Xuan Lam (Hoi An, Quang Nam-Da Nang). (クァンナム・ダナン、ホイアンのスォンラム地点の発掘結果). NPHMVKCH1995:131-133.

Nhom nghien cuu van hoa Sa Huyen

1996 Ba nam thuc hien du an khai quat khao co mo chum Sa Huyen o thi xa Hoi An Quang Nam-Da Nang. (クァンナム・ダナン、ホイアン市におけるサーフィン甕棺墓の3年間の発掘調査). NPHMVKCH1995:206-208.

Lam My Dung, Nguyen Chi Trung

1997 Di chi Hau Xa I va su giao luu van hoa nhieu chieu o nhung the ky truoc sau Cong nguyen. (紀元前後におけるホウサー I 遺跡と他文化との交流). KCH-1:64-71.

Lam My Dung, Nguyen Duc Minh

1997 Nhung di tích mo chum Sa Huyen va di tích Cham co o Hoi An. (ホイアンにおけるサーフィン甕棺墓遺跡と古チャム遺跡). KCH-3:66-74.

(以上、年代順)

## 基本資料

『烏州近録』(楊文安、1553年)

『撫辺雜録』(黎貴惇、1776年)

『大南一統志』

『大南寔録前編』

『洪徳版図』

## 2 日本語文献

青柳洋治

- 1990 「陶磁貿易史からみたベトナム陶磁の動向－東南アジア島嶼部を中心として－」『アジア諸民族の歴史と文化』六興出版
- 1993 「南中国海海域発見の初期貿易陶磁器」『目の眼』No.201
- 1996 「チャンパ陶磁をめぐる二、三の問題」『青い焼きもの』町田市立博物館
- 1997 「ベトナム陶磁から見える日本、アジア」『季刊 陶磁郎』10号
- 1998 「チャンパ陶磁－東南アジア陶磁の新顔－」『季刊 文化遺産』Vol.5

青柳洋治・森本朝子・小川英文・田中和彦

- 1995 「ベトナム中部諸省の遺跡踏査と考古学的課題」『東南アジア考古学』第15号

安里嗣淳・菊池誠一・金武正紀・手塚直樹

- 1998 「ベトナム陶磁調査紀行」『史料編集室紀要』第23号、沖縄県教育委員会

穴吹 充

- 1990 「ベトナム古窯の発掘」『目の眼』No.

大橋康二

- 1997 「ベトナム・ホイアン発見の肥前磁器」『目の眼』No.253
- 「ベトナム発見の肥前磁器」『目の眼』No.255

菊池誠一

- 1994 「チャンフー85番発掘調査」『昭和女子大学国際文化研究所紀要』Vol.1
- 「ホイアン周辺地区の発掘調査」『昭和女子大学国際文化研究所紀要』Vol.1
- 1995 「1994年のベトナム考古学界、2・3の話題」『考古学研究』第41巻第4号
- 1996 「遺跡が語るホイアンの歴史と町並み形成」『SD(スペースデザイン)』第378号
- 「ベトナム中部の「日本人町」ホイアンの発掘調査」『日本考古学協会第62回総会 研究発表要旨』
- 「ベトナム中部の「日本町」ホイアン調査」『目の眼』No.236
- 「16・17世紀、日本に渡ったベトナム陶磁の故郷」『考古学研究』第43巻第1号
- 1997 「南蛮陶器のルーツ」『淡交』第51巻第8号
- 「16,17世紀の中部ベトナムの陶磁生産－ミースェン遺跡出土遺物とその意義－」『古代学研究』第138号
- 「中部ベトナムの陶磁生産と日本－16～17世紀の日越交流－」『物質文化』No.63
- 「中部ベトナムの陶磁生産と日本－16～17世紀の日越交流－」『日本考古学協会第63回総会 研究発表要旨』
- 「ベトナム発見の安平壺」『東国史論』第12号
- 1998 「東南アジアの日本町」『季刊 文化遺産』Vol.5
- 「近年のベトナム陶磁史研究の成果と課題」『物質文化』No.64
- 「ベトナム中部の沈没船引き揚げ陶磁器」『貿易陶磁研究』No.18
- 「ホイアン日本町の調査と博物館建設」『月刊文化財発掘出土情報』195号

菊池誠一・阿部百里子

- 1998 「ベトナム中部の考古踏査記」『考古学研究』第44巻第4号
- 「ベトナム中部のホイアン・タインハーの土器づくり」『古代学研究』第142号

菊池誠一・菊池 実

- 1998 「ベトナムの博物館と所蔵陶磁器」『野村崇先生還暦記念論集 北方の考古学』

櫻井清彦

- 1997 「ベトナムを掘る」『月刊 考古学ジャーナル』No.410

手塚直樹・大橋康二・菊池誠一・續伸一郎

- 1998 「中部ベトナム・クアンビン省 ミークォン窯跡群の発掘調査」『日本考古学協会第64回総会 研究発表要旨』

續伸一郎

- 1990 「堺市環濠都市遺跡出土の貿易陶磁(1)－出土陶磁器の分類を中心として－」『貿易陶磁研究』No.10
- 1993 「ベトナム製焼締長胴瓶・四耳壺について」『貿易陶磁研究』No.13

第9節 付着

- 1997 「現代ベトナム煮炊具事情」『中世土器研究87号』  
西田宏子  
1993 「南蛮・島物－南海請来の茶陶」『南蛮・島物』根津美術館  
1995 「南蛮・島物－南海請来の茶陶」『東洋陶磁』Vol.23・24  
能芝 勉  
1997 「京都市内出土の東南アジア陶磁について－柳馬場通竹屋出土のベトナム陶磁を中心に－」『研究紀要』第4号、京都市埋蔵文化財研究所  
長谷部楽爾  
1990 「ベトナムの陶磁」『インドシナ半島の陶磁－山田義雄コレクション－』瑠璃書房  
1993 「東南アジアの陶器－その光と影」『南蛮・島物』根津美術館  
林田憲三  
1994 「ベトナム水中考古学の現状と展望」『昭和女子大学国際文化研究所紀要』Vol.1  
三上次男  
1984 「ベトナム陶磁と陶磁貿易」『世界陶磁全集 16南海』小学館  
満岡忠成・西田宏子  
1984 「南海陶磁と日本」『世界陶磁全集 16南海』小学館  
森 毅  
1994 「城下町大坂の考古学」『特別展』城下町の考古学』港区立郷土資料館  
森本朝子  
1993 「ベトナムの古窯」『南蛮・島物』根津美術館  
—— 「ベトナムの貿易陶磁－日本出土のベトナム陶磁を中心に－」『上智アジア学』第11号  
1994 「貿易陶磁から見た海のシルクロードにおけるチャンパ」『チャンパ王国の遺跡と文化』財団法人トヨタ財団  
1995 「日本出土のベトナムの陶磁とその産地」『東洋陶磁』Vol.23・24  
1996 「中部ベトナム・ラムドン省ダイラン遺跡の陶磁器」『貿易陶磁研究』No.16  
森本朝子・大橋康二  
1997 「ベトナム・ビンディン省ゴーサイン2・3号窯の発掘調査」『東洋陶磁』第26号  
山形真理子  
1997 「林邑建国期の考古学的様相－チャキウ遺跡の中国系遺物の問題を中心に－」『東南アジア考古学』第17号  
—— 「林邑国出現に関する考古学的考察－ベトナム・クアンナム省チャキウ遺跡の調査成果を中心として－」『日本考古学協会第63回総会 研究発表要旨』  
山本信夫・長谷部楽爾・青柳洋治・小川英文  
1993 「ベトナム陶磁の編年的研究とチャンパ古窯の発掘調査」『上智アジア学』第11号  
山本信夫  
1995 「ベトナム中部の陶磁器生産と貿易－ゴーサイン窯跡群の発掘調査－」『東洋陶磁』第23・24号  
吉成 薫  
1994 「チャンパー通りの発掘調査」『昭和女子大学国際文化研究所紀要』Vol.1

(以上、執筆者アイウエオ順)

